

Sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản theo hướng phát triển bền vững

Ngô Minh Thuận

Học viện Chính sách và Phát triển

Việt Nam là một quốc gia nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, có lợi thế trong việc phát triển sản phẩm nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra thị trường thế giới. Tuy nhiên, sản phẩm nông sản hàng hóa của Việt Nam có giá trị xuất khẩu chưa cao do nguyên nhân chủ quan và khách quan đưa đến. Bài viết phân tích chỉ ra những khó khăn và hạn chế trong việc sản xuất nông sản hàng hóa của Việt Nam, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản ntheo hướng phát triển bền vững.

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Phát triển bền vững

Thuật ngữ “Phát triển bền vững” lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1980, do Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên Quốc tế (IUCN) công bố. Năm 1987 trong Báo cáo “Tương lai của chúng ta” do Ủy ban Brundland đã công bố phát triển triển bền vững (Sustainable Development): “Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” được thế giới công nhận và sử dụng thành khái niệm chính thức trong các Hội nghị quốc tế về phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, ngày 17 tháng 8 năm 2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg phê duyệt và ban hành “Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam”, trong Chương trình 21 nghị sự của Việt Nam nhằm phát triển bền vững đất nước trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Như vậy, phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường.

1.2. Sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản theo hướng phát triển bền vững

Sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản theo hướng phát triển bền vững là phải dựa trên cơ sở đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, đồng thời áp dụng các quy trình thực hành sản xuất và cung ứng sản phẩm nông nghiệp đảm bảo chất lượng ra thị trường, đạt tiêu chuẩn và tiêu chí kiểm định quốc gia hoặc quốc tế về an toàn thực phẩm.

“Nông sản sạch là những loại nông sản thu được từ quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn nhất định. Bao gồm hạn chế thấp nhất hoặc không sử dụng

phân hóa học, thuốc trừ sâu, chất kích thích. Nông sản thu được phải đảm bảo không chứa dư lượng độc tố chất hóa học, kim loại nặng, mầm mống sâu bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Nông sản sạch phải được các chuyên gia kiểm định độ an toàn kỹ lưỡng trước khi xuất ra thị trường. Trong tương lai chắc chắn sẽ hướng tới nền nông nghiệp hữu cơ loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng chất hóa học trong canh tác”.

Nông sản là khái niệm rất rộng, vì có rất nhiều mặt hàng từ quá trình sản xuất nông nghiệp, nhưng có thể chia thành 3 loại cơ bản sau đây: i) Sản phẩm cơ bản, thiết yếu: lúa gạo, lúa mì, sữa, cà phê, chè, rau, củ.; ii) Sản phẩm phái sinh: bánh mì, bơ, thịt, dầu ăn; iii) Sản phẩm được chế biến: xúc xích, rượu, bia, sản phẩm từ sữa.

Để nông sản được gọi là nông sản sạch phải đảm bảo nhiều yếu tố sau đây.

Thứ nhất, nông sản phải được trồng trên đất sạch. Tránh xa các khu vực nhà máy, xí nghiệp, bệnh viện. Nguồn đất, nguồn nước không bị ô nhiễm và phải đạt tiêu chuẩn an toàn để canh tác.

Thứ hai, giảm tối đa việc sử dụng phân bón vô cơ. Không thể phủ nhận các loại phân vô cơ có tính dễ tan, cây nhanh hấp thụ. Tuy nhiên, sử dụng bừa bãi sẽ ảnh hưởng đến cây trồng, chất lượng nông sản, môi trường xung quanh. Thay vào đó là sử dụng phân bón hữu cơ như phân trùn quế, phân vi sinh tốt cho môi trường.

Thứ ba, không sử dụng phân bắc, phân chuồng tươi để bón cho cây. Mặc dù phân hữu cơ là ưu tiên hàng đầu. Nhưng phải được xử lý mầm bệnh trước khi bón cho cây.

Thứ tư, trước thu hoạch không sử dụng thuốc trừ sâu hóa học, chất kích thích tăng trưởng. Vì để đảm bảo nông sản không chứa dư lượng chất độc hại.

Thứ năm, nông sản phải qua đánh giá, kiểm định. Trước khi nông sản được xuất ra thị trường, phải

qua khâu kiểm tra chất lượng an toàn và có sự xác nhận của cơ quan, chuyên gia có uy tín.

2. Thực trạng sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản trong thời gian vừa qua

2.1. Những thuận lợi trong việc sản xuất và cung ứng sản phẩm nông sản thời gian vừa qua

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam cho phép phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt độ trung bình > 20°C, lượng mưa lớn (1500 -2000 mm/năm), độ ẩm > 80%. Chính vì vậy, thuận lợi cho canh tác và trồng trọt quanh năm. Cây trồng vật nuôi có nhiều điều kiện sinh trưởng, phát triển đặc biệt là sinh vật nhiệt đới, có thể áp dụng các phương thức thâm canh, tăng vụ, xen canh... để gia tăng sản lượng.

Khí hậu phân hóa rõ rệt theo chiều Bắc - Nam, Đông - Tây và độ cao địa hình thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp, đa dạng hóa các loại nông sản (cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới). Khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều nên việc sản xuất ra các loại phân bón vi sinh khối phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ có thể được thực hiện khá nhanh, các chu trình chuyển hóa vật chất diễn ra với tốc độ cao, các chất hữu cơ cao phân tử sau một thời gian xử lý nhanh chóng trở thành các chất khoáng đơn giản cung cấp cho cây trồng.

Việt Nam có nhiều đồng bằng rộng lớn, đất đai màu mỡ,... thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tiếp giáp với biển nên chịu nhiều ảnh hưởng từ biển: khí hậu ẩm, ẩm áp. Mặt khác, có nhiều con sông lớn chảy qua, cung cấp nước và phù sa màu mỡ cho trồng trọt.

Nền nông nghiệp Việt Nam đã trải qua một thời gian dài sản xuất quảng canh, tự cung tự cấp, dựa vào thiên nhiên là chính nên người nông dân biết tận dụng những gì có sẵn ngoài tự nhiên để phục vụ cho nông nghiệp. Vì vậy, người Việt Nam đã kế thừa và phát triển nền văn minh trồng cây lương thực công nghiệp lâu đời; đặc biệt là lúa nước.

Việt Nam có lợi thế về nguồn lao động dồi dào và có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp cũng là một lợi thế lớn trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Trong thời gian đổi mới vừa qua, Chính phủ và các Bộ, các ngành và địa phương rất quan tâm phát triển các sản phẩm nông sản sạch như:

Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/1/2010, phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; Quyết định số 1895/QĐ-TTg, ngày 17/12/2012 phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 đã tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam về phát

triển nông nghiệp, trong đó có nông nghiệp công nghệ cao, như:

Quyết định 813/QĐ-NHNN về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/03/2017 của Chính phủ năm 2021 2022;

Nghị định 57/2018/NĐ-CP cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Nghị định số 84/2019/NĐ-CP quy định về quản lý phân bón;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quyết định Số: 738/QĐ-BNN-KHCN Tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp... Ngoài ra, Chính phủ, các Bộ, các ngành và địa phương đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế nhằm tìm giải pháp thúc đẩy sản phẩm nông nghiệp sạch ở Việt Nam phát triển theo hướng bền vững.

2.2. Những khó khăn trong việc sản xuất và cung ứng sản phẩm nông nghiệp thời gian vừa qua

Việt Nam có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa mang tính thất thường làm cho nền nông nghiệp và sản xuất nông sản ở nước ta tăng thêm tính bấp bênh. Các thiên tai như bão, lũ, hạn hán, rét đậm, rét hại, sương muối..

Khí hậu nhiệt đới ẩm là môi trường thuận lợi để phát sinh các dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi.

Trong quá trình canh tác hữu cơ, người sản xuất chỉ được phép sử dụng phân bón hữu cơ, phòng trừ cỏ dại, sâu bệnh bằng các biện pháp thủ công hoặc thuốc sinh học nên mất nhiều công lao động và khó thực hiện trên diện rộng, đặc biệt ở Việt Nam khí hậu nóng ẩm rất thuận lợi cho nhiều loài sâu bệnh phát triển và gây hại. Thực tế cho thấy, những vùng thâm canh cao, trước đây đã sử dụng nhiều phân bón hóa học và hóa chất bảo vệ thực vật khi chuyển đổi sang sản xuất hữu cơ trong những năm đầu, năng suất giảm rõ rệt và gặp khó khăn trong phòng chống sâu bệnh do áp lực sâu bệnh còn cao, cân bằng sinh thái bị phá vỡ trước đây cần thời gian để thiết lập lại.

Phần lớn các hộ nông dân Việt Nam sản xuất với quy mô hộ gia đình, nhỏ, manh mún nên khó trong việc gom diện tích để lập đội, nhóm sản xuất hữu cơ. Nhận thức của người sản xuất về nông sản hữu cơ còn hạn chế, động lực quan trọng nhất là kinh tế được ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, việc tổ chức sản xuất để đáp ứng quy định nghiêm ngặt của tiêu chuẩn nông sản hữu cơ là một thách thức lớn.

Đời sống người tiêu dùng Việt Nam còn thấp và nhận thức về nông sản hữu cơ chưa cao, nhiều trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm diễn ra

những năm qua đã làm mất lòng tin của người tiêu dùng. Cho nên, việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ để cung cấp thực phẩm cho thị trường nội địa cũng sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức. Nhiều người dân sử dụng thực phẩm rẻ, không rõ nguồn gốc dẫn đến tình trạng ngộ độc thực phẩm ngày càng gia tăng, khó kiểm soát. Theo thông tin từ Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế cho biết: “Trong quý I năm 2021, toàn quốc ghi nhận 20 vụ ngộ độc thực phẩm, làm 531 người mắc và 3 trường hợp tử vong. Số vụ và số người mắc đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Trước đó, trong năm 2020, toàn quốc ghi nhận 139 vụ ngộ độc thực phẩm làm 3.094 người mắc và 30 trường hợp tử vong. Toàn ngành y tế đã phát hiện 58.317 cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm, xử lý 10.077 cơ sở với tổng số tiền phạt là 48,6 tỷ đồng”.

Chính sách, pháp luật để thúc đẩy, hỗ trợ nông sản hữu cơ cho phát triển ở Việt Nam còn thiếu đồng bộ. Cho đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có chiến lược rõ ràng và tổng thể về phát triển nông sản hữu cơ, chưa có tổ chức nào được cấp phép là tổ chức chứng nhận sản phẩm hữu cơ, kể cả việc áp dụng hệ thống đảm bảo cùng tham gia. Vì vậy, để thúc đẩy phát triển nông sản hữu cơ cần có nhiều giải pháp đồng bộ. Tuy nhiên, ở Việt Nam chính sách và pháp luật liên quan đến nông sản hữu cơ còn thiếu và đây là nút thắt chính cần được tháo gỡ để mở đường cho sự phát triển của nông sản hữu cơ trong những năm tới.

3. Một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng sản xuất và cung ứng sản phẩm nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững

Một là, tăng cường phổ biến tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân Việt Nam trong việc sản xuất và cung ứng nông sản sạch ra thị trường.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện thể chế gồm: (cơ chế, chính sách và pháp luật) nhằm tăng cường khối liên kết năm nhà trong sản xuất và cung ứng nông sản sạch ra thị trường trong và ngoài nước: Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà ngân hàng. Đồng thời, triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ các DN, HTX, hộ nông dân sản xuất và chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, GlobalGAP; HACCP, 4C, UTZ...

Ba là, tăng cường chuyển giao khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong việc sản xuất và chế biến nông sản sạch đến người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, tìm kiếm thị trường ổn định, lâu dài và thị trường mới đầu ra cho sản phẩm nông sản sạch.

Năm là, tiếp tục triển khai xây dựng các quỹ phòng ngừa rủi ro như: thiên tai, dịch bệnh trong hoạt động sản xuất, chăn nuôi, chế biến nông sản của người dân và doanh nghiệp Việt.

Sáu là, tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ

hợp tác để chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đồng thời tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản sạch cho hàng hóa Việt Nam.

Bảy là, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở, như: điện, nước, đường giao thông, internet, kho đông lạnh, dịch vụ chế biến và bảo quản nông sản hàng hóa để phục vụ sản xuất hàng hóa ở các vùng sản xuất nông sản sạch.

Tám là, Chính quyền các cấp và các doanh nghiệp cần phối hợp mở các trung tâm đào tạo và nâng cao trình độ cho người dân địa phương trở thành các công nhân nông nghiệp nắm bắt khoa học - kỹ thuật, công nghệ, hiểu và ứng dụng thành công quy trình sản xuất và cung ứng nông sản sạch ra thị trường.

Chín là, Nhà nước cần tăng cường công tác dự báo về tình hình hoạt động sản xuất và chăn nuôi, cũng như thị trường trong và ngoài nước nhằm định hướng hoạt động sản xuất cho người dân và doanh nghiệp.

Mười là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh việc sản xuất và cung ứng các sản phẩm nông sản không rõ nguồn gốc, không đạt tiêu chuẩn trên thị trường.

Như vậy, việc sản xuất và cung ứng nông sản sạch ra thị trường là trách nhiệm của toàn xã hội để bảo vệ giống nòi và nâng cao thương hiệu của hàng hóa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải xây dựng lộ trình, chiến lược rõ ràng. Bên cạnh đó, người dân phải thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm và chủ động áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất. Đối với người tiêu dùng cần trang bị kiến thức và kỹ năng và phải là những người tiêu dùng “thông thái” trong việc lựa chọn các mặt hàng nông sản sạch, tích cực tẩy chay các mặt hàng nông sản không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng để bảo vệ sức khỏe cho gia đình và cộng đồng./.

Tài liệu tham khảo

Quyết định 813/QĐ-NHNN, về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/03/2017 của Chính phủ năm 2021- 2022

Nghị định 57/2018/NĐ-CP, Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nghị định số 84/2019/NĐ-CP, Quy định về quản lý phân bón

Nghị định số: 15/2018/NĐ-CP, Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm.

Trần Nguyễn Tuyên (2006), “Phát triển bền vững -kinh nghiệm quốc tế và định hướng của Việt Nam”, Tạp chí Lý luận chính trị 2-2006.